

"Jipyong" — Sổ tay sử dụng và công dụng

Nongbuae Co., Ltd.

Cách sử dụng "Jipyong"

- Giai đoạn vườn ươm (cây con):** pha loãng 500 lần, phun 2–3 lần cách nhau 15–20 ngày
- Sau khi trồng:** pha loãng 1.000 lần, phun 4–5 lần cách nhau 20–30 ngày
- Khi phát sinh bệnh:** với bệnh thối hạch, sương mai, thối nhũn và phấn trắng, pha loãng 250 lần và phun đều

Có thể pha trộn với thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng.

Công dụng và cách sử dụng

Cây trồng	Sâu bệnh	Thời điểm và số lần	Độ pha loãng	Mỗi 20 L nước	Ghi chú
Dưa chuột, xà lách, ớt, cà chua, dưa hấu		Trong thời kỳ sinh trưởng	250×	80 ml	Thử nghiệm độc tính cây
Dâu tây	Bệnh mốc xám	Từ khi mới phát bệnh, cách 7 ngày, 3 lần			Phun lá
Ớt	Rệp bông	Vào cao điểm phát sinh, 1 lần			
Ớt	Bệnh thán thư	Từ khi mới phát bệnh, cách 10 ngày, 4 lần			
Lê	Bệnh ghẻ (đốm đen)				
Hành tây	Bệnh thối hạch đen	Từ khi mới phát bệnh, cách 7 ngày, 3 lần			Tưới gốc
Hành tây	Bệnh sương mai				
Hành tây	Bệnh thối nhũn				
Dưa chuột	Bọ trĩ	Từ khi mới phát bệnh, cách 7 ngày, 2 lần			Phun lá
Dưa chuột	Bệnh sương mai	Từ khi mới phát bệnh, cách 5 ngày, 3 lần			
Tỏi	Bệnh thối nhũn	Từ khi mới phát bệnh, cách 7 ngày, 3 lần			Tưới gốc
Cà chua	Bệnh mốc lá	Từ khi mới phát bệnh, cách 7 ngày, 4 lần			Phun lá
Cà chua	Bọ phấn trắng nhà kính	Từ khi mới phát bệnh, cách 7 ngày, 2 lần			
Dưa lê Hàn Quốc	Bệnh phấn trắng	Khi mới phát bệnh, 1 lần			Tưới gốc / phun lá
Dưa lưới	Bệnh phấn trắng	Từ khi mới phát bệnh, cách 5 ngày, 3 lần			

Cây trồng	Sâu bệnh	Thời điểm và số lần	Độ pha loãng	Mỗi 20 L nước	Ghi chú
Lúa	Bệnh khô vằn				
Lúa	Bệnh đạo ôn lá				
Lúa	Bệnh bạc lá vi khuẩn				
Lúa	Bệnh lúa von	48 giờ trước khi gieo			Ngâm hạt giống
Lúa	Bệnh hoa cúc (than vàng)	Từ ngay trước khi trổ bông, cách 7 ngày, 2 lần		100 ml	Phun lá
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Khi mới phát bệnh, 1 lần		80 ml	Phun lá bằng thiết bị bay không người lái
Dưa hấu	Rệp bông	Vào cao điểm phát sinh			Phun lá
Dưa hấu	Nhện đỏ hai chấm	Khi có 3–5 con trên mỗi lá chấm			
Hồng	Bệnh thán thư	Từ giữa tháng 6, cách 10 ngày, 6 lần			
Rau chân vịt	Bệnh sương mai	Từ khi mới phát bệnh, cách 5 ngày, 3 lần			
Khoai lang	Bệnh héo rũ dây	Ngay sau khi trồng, cách 10 ngày, 3 lần			Tưới gốc
Hành lá	Bệnh thối hạch đen	Trong thời kỳ sinh trưởng			Phun lá
Nho	Bệnh phấn trắng	Từ khi mới phát bệnh, cách 10 ngày, 3 lần			
Cam quýt	Bệnh mốc xám				
Ngũ vị tử	Bệnh phấn trắng				
Đào	Bệnh thối nâu	Từ khi mới phát bệnh, cách 7 ngày, 3 lần			
Táo	Bệnh thán thư	Từ khi mới phát bệnh, cách 10 ngày, 7 lần			
Dâu tằm	Bệnh thối hạch	5 ngày trước khi ra hoa và 1 lần sau khi ra hoa			
Nhân sâm	Bệnh đốm lá	Từ khi mới phát bệnh, cách 10 ngày, 4 lần		100 ml	
Cải thảo	Bệnh sưng rễ	Từ khi mới phát bệnh, cách 5 ngày, 2 lần			
Lúa, tía tô, dưa chuột, cải thảo, xà lách, ớt, đậu tương		Trong thời kỳ sinh trưởng	1.000×	20 ml	Phun bằng thiết bị bay, kiểm tra độc tính

Với mọi cây trồng trong thời kỳ sinh trưởng, pha loãng 1.000 lần (20 ml cho mỗi 20 L nước).

Lưu ý khi sử dụng

- Không pha trộn với chế phẩm đồng, lưu huỳnh vôi, dung dịch Bordeaux, vật tư nông nghiệp có tính kiềm hoặc các sản phẩm lưu huỳnh khác.
- Hãy dùng hết sản phẩm đã mở nắp càng sớm càng tốt.
- Tránh khung giờ nắng nóng; phun vào lúc mát mẻ buổi sáng hoặc chiều tối.

- Vết thuốc có thể còn lại trên cây, nên hãy thử với lượng nhỏ trước khi dùng đại trà.
- Bảo quản nơi râm mát.
- Với cây họ bầu bí (dưa chuột, bí đỏ, dưa lê) và nho (Campbell), hãy thử trước khi phun lá.
- Để xa tầm tay trẻ em.

Đặc điểm sản phẩm

- An toàn cho cây trồng và công trình, tan tốt trong nước.
- Chứa lưu huỳnh và các chất chuyển hóa của vi sinh vật, tăng cường tính kháng bệnh và ức chế sự xâm nhập từ bên ngoài.
- Nâng cao độ ngọt và hương vị của cây trồng, cải thiện khả năng bảo quản.
- Khắc phục thiếu canxi và phòng ngừa các rối loạn do thiếu canxi.
- Là vật tư nông nghiệp hữu cơ, không chứa bất kỳ chất tổng hợp hóa học nào.
- Được tạo ra bằng cách lên men lưu huỳnh khoáng trong dịch thực vật.

Thông tin ghi nhãn vật tư nông nghiệp hữu cơ

Số công bố	Gongsi-1-2-114
Tên vật tư / tên thương mại	Jipyeong
Phân loại vật tư	— (bản gốc để trống)
Khối lượng hoặc dung tích tịnh	1 L
Loại và hàm lượng nguyên liệu	Lưu huỳnh từ 3% trở lên
Loại và hàm lượng nguyên liệu	Lưu huỳnh 3%, dịch củ cải 97%
Ngày sản xuất	— (bản gốc để trống)
Hạn sử dụng	2 năm kể từ ngày sản xuất
Cách sử dụng	Phun lá 3 lần cách nhau 7 ngày từ khi mới phát bệnh, pha loãng 250×. Lúa: phun lá ULV bằng thiết bị bay ở giai đoạn mạ, 8×.
Lưu ý khi sử dụng và bảo quản	Lắc kỹ trước khi dùng. Nên tránh để đông đá.
Cây trồng thử nghiệm	Xà lách, đậu tương, ớt, dưa chuột, cải thảo và các cây khác

Vai trò của phân đạm

- Là nguyên tố cấu thành các phân tử sinh học cốt lõi như protein, axit nucleic và diệp lục, hỗ trợ sinh trưởng và phát triển.
- Tham gia tổng hợp diệp lục, hỗ trợ quang hợp và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của lá, thân và chiều cao.
- Cây hấp thụ đạm chủ yếu ở dạng nitrat (NO_3^-) và amoni (NH_4^+), rồi dùng cho tổng hợp axit amin và protein.

Phân đạm và cây trồng — điểm chính

Phân loại	Cây trồng tiêu biểu	Đặc điểm sử dụng phân đạm	Điểm quản lý
Phụ thuộc cao	Lúa, ngô, lúa mì	Đạm quan trọng cho việc hình thành lá và thân nên tỷ trọng sử dụng phân bón lớn	Cung cấp đủ ở giai đoạn sinh trưởng đầu; giảm ở giai đoạn sinh sản
Phụ thuộc thấp	Đậu tương	Cố định đạm trong không khí nhờ nốt sần ở rễ nên nhu cầu phân đạm thấp	Chỉ bón ít trước giai đoạn sinh trưởng đầu; bón thừa có thể ức chế hình thành nốt sần

Vai trò của phân lân

Phân lân đóng vai trò then chốt trong phát triển bộ rễ và trong việc hình thành hoa, quả, hạt; đặc biệt quan trọng với nảy mầm và bén rễ, hình thành mầm hoa, và chất lượng quả (độ ngọt, lên màu, khả năng bảo quản). Trong ba yếu tố phân bón (NPK), lân (P) là thành phần của các chất chuyển hóa năng lượng như axit nucleic và ATP nên tham gia trực tiếp vào sinh trưởng và sinh sản.

Vai trò	Ảnh hưởng đến cây trồng	Biểu hiện khi thiếu
Thúc đẩy nảy mầm và bén rễ	Hỗ trợ phát triển bộ rễ và sinh trưởng giai đoạn đầu	Nảy mầm chậm, bộ rễ phát triển kém
Hình thành hoa, quả và hạt	Hình thành mầm hoa, phát triển quả, nâng cao chất lượng (độ ngọt, lên màu)	Mầm hoa hình thành kém, quả không phát triển
Hỗ trợ chuyển hóa năng lượng	Tham gia tổng hợp các chất năng lượng như ATP	Sinh trưởng giảm, khả năng sinh sản giảm

Triệu chứng thiếu lân

Khi thiếu lân, lá chuyển sang màu xanh đậm sẫm hoặc tím (biểu hiện sắc tố anthocyanin), mầm hoa hình thành kém và hoa có xu hướng khó nở.

Thời điểm sử dụng và lưu ý

- Cung cấp lân vào giai đoạn sinh trưởng đầu, khi ra hoa và khi đậu quả sẽ giúp hoa và quả phát triển.
- Lân di chuyển kém trong đất nên cần bón sao cho tiếp xúc trực tiếp được với rễ cây.
- Với sản phẩm nồng độ cao (ví dụ kali dihydro photphat) phải tuân thủ độ pha loãng; trộn trực tiếp với phân canxi hay magie có thể tạo kết tủa nên cần thận trọng khi phối trộn.

Cây trồng phù hợp với phân lân

Là những cây chủ yếu dùng phân lân (P) để nâng cao năng suất. Cây họ đậu, cải dầu, lúa mì và bông, khoai tây, cây họ bầu bí và cây ăn quả phản ứng tốt với lân nên việc bón được cho là có lợi.

Nhóm cây trồng	Lý do phân lân có lợi
Cây họ đậu	Phản ứng nhạy với lân; năng suất và lượng đạm cố định có thể tăng
Cải dầu	Được xếp vào nhóm cây ưa lân
Lúa mì và bông	Ưa lân nên bón có thể cho hiệu quả tốt
Khoai tây	Ưa lân nên bón có thể cho hiệu quả tốt
Cây họ bầu bí	Ưa lân nên bón có thể cho hiệu quả tốt
Cây ăn quả	Ưa lân nên bón có thể cho hiệu quả tốt

Vai trò của phân kali oxit

Phân kali oxit cung cấp kali (K), một trong ba yếu tố phân bón, và ảnh hưởng đến các quá trình sinh lý cũng như chất lượng của cây. Đặc biệt được mô tả là thành phần “cải thiện thể chất” giúp cây ăn quả và rau ra hoa, đậu quả, chín, đồng thời giữ độ ngọt và độ tươi.

- **Tăng cường sức chống chịu:** góp phần nâng cao khả năng chống chịu với các điều kiện bất lợi như hạn hán, giá lạnh, sâu bệnh.
- **Hỗ trợ các quá trình sinh lý:** tham gia quang hợp và hô hấp, giúp tổng hợp và vận chuyển carbohydrate, làm thân cây cứng cáp hơn.
- **Thúc đẩy ra hoa, đậu quả và chín:** giúp ra hoa và phát triển quả, có thể ảnh hưởng đến chất lượng quả (lên màu, kích thước, độ ngọt) và việc giữ độ tươi.

Nhóm cây trồng	Vai trò của kali	Điểm lưu ý khi chọn phân
Cây ăn quả · rau	Thúc đẩy ra hoa, đậu quả và chín; nâng cao chất lượng; giữ độ tươi	Khi có nguy cơ tích tụ muối, nên chọn phân để lại ít ion tồn dư
Cây ăn quả (ví dụ nho)	Kali quan trọng như một yếu tố chất lượng	Kali nitrat để lại ít muối tồn dư nên được cho là phù hợp với nhà kính
Khoai lang	Dùng phân kali để hạn chế sinh trưởng thân lá quá mức	Bón qua lá để đạt hiệu quả hạn chế trong thời gian ngắn

Vai trò của phân boron oxit

- **Cung cấp nguyên tố vi lượng:** bo là nguyên tố vi lượng cần cho sinh trưởng của cây, phân bón bù đắp lượng bo còn thiếu.
- **Thành tế bào và chức năng sinh sản:** bo tham gia hình thành thành tế bào và chức năng sinh sản (hoa, quả), có thể ảnh hưởng đến sự phát triển và năng suất cây trồng.
- **Quản lý triệu chứng thiếu và thừa:** thiếu có thể làm giảm sinh trưởng, gây bất thường ở lá và thân, hoa và quả phát triển kém; thừa có nguy cơ gây độc, chẳng hạn vàng lá.

Vai trò của phân sunfat

- **Cung cấp lưu huỳnh:** kali sunfat và magie sunfat cung cấp lưu huỳnh, được tổng kết là giúp cải thiện hương vị quả và kéo dài thời gian bảo quản.
- **Hỗ trợ hình thành diệp lục:** cung cấp magie (như magie sunfat) được mô tả là giúp diệp lục hình thành.
- **Sản xuất phân lân:** axit sunfuric được giới thiệu là đầu vào thiết yếu khi chế biến quặng photphat thành phân lân.